TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 21-02-2020
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung."

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hường

Các thẩm phán: Bà Ngô Thị Minh Trang

Bà Hoàng Thị Thu Hường

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên Trung cấp.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2019/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 38/2019/HNGĐ-ST ngày 16/09/2019 của Tòa án nhân dân huyện U bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2020/QĐ-PT ngày 13/01/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H (Bé), sinh năm 1997

Địa chỉ: Ấp V, xã V huyện U, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp V1, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn N, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

-*Người kháng cáo:* Bị đơn anh Phan Văn N.

(Chị H và anh N có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị H và anh N quen biết nhau trên cơ sở tự nguyện đi đến hôn nhân, được gia đình cha, mẹ hai bên tổ chức lễ

cưới theo phong tục, tập quán của địa phương vào năm 2014, đến ngày 08/07/2016 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện U, tỉnh Kiên Giang. Qua trình chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N thường xuyên đi uống rượu, bỏ mặt vợ con không quan tâm, từ đó dẫn đến thường xuyên cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên đôi bên đã ly thân từ tháng 02/2018 cho đến nay. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị H và anh N có một người con chung tên Phan Nguyễn Nhật T, sinh ngày 19/12/2016, hiện đang sống với cha mẹ (mỗi người giữ vài ngày). Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H yêu cầu được tự thỏa thuận với anh N, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Bị đơn anh Phan Văn N trình bày:

Anh N thống nhất với lời trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân. Đối với mâu thuẫn vợ chồng anh N cho rằng do chị H không chăm lo làm ăn, thường xuyên chơi số đề phải bán vàng cưới để trả nợ. Mặc dù, được gia đình hai bên động viên hàn gắn nhiều lần nhưng chị H vẫn không chăm lo làm ăn. nên vào tháng 02/2018 hai người đã ly thân.

Về con chung: Anh N thống nhất với chị H vợ chồng chung sống có một người con chung tên Phan Nguyễn Nhật T, sinh ngày 19/12/2016, sau khi ly hôn sống với cha mẹ (mỗi người giữ vài ngày), đến thời điểm xét xử sơ thẩm cháu sống với mẹ. Khi ly hôn anh N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 38/2019/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị H được ly hôn với bị đơn anh Phan Văn N

2. Về con chung: Giao con chung tên Phan Nguyễn Nhật T, sinh ngày 19/12/2016, giới tính nam cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Phan Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phan Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

- Ngày 01 tháng 10 năm 2019, anh Phan Văn N kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về việc giao con, anh N yêu cầu được nuôi con chung. Vì chị H thường xuyên tham gia chơi số đề, không lo làm ăn, thường xuyên đi làm xa nên không đủ thời gian chăm lo, nuôi dưỡng con. Nay anh N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Anh Phan Văn N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: Lý do là do chị H đi làm ăn xa, không có thời gian điều kiện chăm sóc con chung. Hiện tại công việc của anh ổn định tại nhà có thời gian, điều kiện chăm sóc nuôi dạy cháu T hơn chị H. Hiện nay cháu T đang ở chung gia đình anh do rước về chơi, cháu cũng phát triển bình thường về mọi mặt như các trẻ khác ở địa phương. Cha mẹ anh là người giúp anh nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị H: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của anh N do chị có điều kiện nuôi, anh N hay nhậu đi chơi sợ không chăm sóc tốt cho con, cha mẹ anh N đã hơn 60 tuổi; cha mẹ chị hiện dưới 50 tuổi và cháu đã được cha mẹ chị chăm sóc từ khi cháu dưới 20 tháng tuổi lúc vợ chồng chị đi làm ăn xa và sống ly thân; cha mẹ chị là người giúp chị nuôi con đảm bảo được sự phát triển của cháu T mọi mặt hiện tại và sau này nên không chấp nhận cho anh N trực tiếp nuôi con chung.

-Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm, đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy cháu Nguyễn Nhật T là con chung của anh N và chị H hiện tại dưới 04 tuổi. Từ khi tòa sơ thẩm xét xử giao cháu cho chị H nuôi đến nay cháu vẫn phát triển bình thường, và có tạo điều kiện thăm nom chăm sóc cháu đối với anh N. Cha mẹ chị H có điều kiện giúp chị H chăm sóc cháu T. Do vậy cần giữ ổn định cho cháu nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân, tài sản chung, nợ chung: Các bên không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên phần này của Bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Xét kháng cáo xin được trực tiếp nuôi con chung của anh N là cháu Phan Nguyễn Nhật T, giới tính nam, sinh ngày 19/12/2016. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, cần xem xét quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, điều kiện, môi trường sống của con chung là cháu T. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã động viên các bên theo quy định Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình về quyền nghĩa vụ nuôi con sau ly hôn nhưng hai bên không thỏa thuận được.

Xét thấy, cả anh N và chị H đều có điều kiện kinh tế để nuôi dạy cháu Nhật T. Tuy nhiên, cháu Nhật T đến thời điểm xét xử phúc thẩm khoảng 38 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ để phát triển toàn diện cả về thể chất lẫn tinh thần. Hiện tại anh N xác nhận việc nuôi dưỡng cháu T của chị H có sự giúp đỡ của ba mẹ chị H, đảm bảo tốt về mọi mặt cho sự phát triển của cháu và gia đình chị H luôn tạo điều kiện cho anh thăm nom, chăm sóc cháu T. Lý do kháng cáo yêu cầu nuôi con chung của anh N là chưa phù hợp và không thuộc trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy để cần giữ ổn định cho sự phát triển về tinh thần và thể chất của của cháu Nhật T, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của anh N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm, tiếp tục giao cháu Nhật T cho chị H nuôi dưỡng. Nếu sau này chị H không đảm bảo điều kiện nuôi con chung thoặc theo ý kiến của cháu T khi cháu đủ 7 tuổi trở lên, thì anh N có quyền xin thay đổi nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: án phí sơ thẩm giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm anh N phải chịu 300.000 đồng do kháng cáo không được chấp nhận, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp theo biên lai thu của cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 6 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh Phan Văn N

- Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 38/2019/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với bị đơn anh Phan Văn N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Phan Nguyễn Nhật T, sinh ngày 19/12/2016, giới tính nam cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Phan Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Anh Phan Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

4. Về án phí:

Án phí sơ thẩm : Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002990 ngày 12/08/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Kiên Giang.

Áp phí phúc thẩm : Anh Phan Văn N phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003066 ngày 30/09/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Kiên Giang.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện U;
- THA dân sự huyện U;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Hường